

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9690.....
	Giờ..... Ngày 19 tháng 3 năm 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 35
8. Phụ lục	36 - 37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty nhựa Đô Thành theo Quyết định số 5777/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303310875 (số cũ 4103002375) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ nhất đến lần thứ tư về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 81.518.200.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn	15.458.000.000	18,96
Các cổ đông khác	66.060.200.000	81,04
Cộng	81.518.200.000	100,00

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 100/UBCK-GPNY ngày 06 tháng 12 năm 2006 cho phép niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 8) 39.236.238 - 38.363.807
Fax : (84 - 8) 39.235.360
E-mail : dothanhplastic@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0303310875

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất sản phẩm nhựa từ chất dẻo, bao bì chai nhựa PET, ống nhựa PP, PE (không tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- Chế tạo và sản xuất các khuôn mẫu nhựa (không tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa;
- Kinh doanh nhà ở;
- Môi giới bất động sản;
- Cho thuê văn phòng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay giảm 40,4 tỷ VND tương đương giảm 29% so với năm trước là do số lượng bán ra giảm.



Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Chi trả cổ tức năm 2010 bằng 2,2% vốn điều lệ tương đương 1.793.400.400 VND
- Trích quỹ phúc lợi bằng 5% lợi nhuận sau thuế năm 2009 và 2010 tương đương 101.723.046 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hiệp	Chủ tịch	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Băng Tâm	Phó Chủ tịch	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Trương Phú Chiến	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Công Nghiệp	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Ngô Minh Hải	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Trần Gia Kiệt	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lâm Từ Thanh	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Phạm Uyên Nguyên	Ủy viên	20 tháng 5 năm 2004	16 tháng 4 năm 2011
Bà Hoàng Thị Thúy Hương	Ủy viên	15 tháng 10 năm 2006	16 tháng 4 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Ủy viên	14 tháng 4 năm 2007	16 tháng 4 năm 2011
Ông Võ Ngọc Thành	Ủy viên	20 tháng 01 năm 2009	16 tháng 4 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2011	-
Bà Trần Thị Thanh Trúc	Thành viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hữu Chí	Thành viên	16 tháng 4 năm 2011	-
Ông Thân Văn Chương	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	16 tháng 4 năm 2011
Ông Võ Văn Hào	Thành viên	22 tháng 4 năm 2006	16 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hiệp	Tổng Giám đốc	03 tháng 5 năm 2011	-
Ông Nguyễn Anh Hào	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2009	03 tháng 5 năm 2011
Ông Nguyễn Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 5 năm 2011	-
Ông Đoàn Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 5 năm 2011	-
Ông Ngô Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 5 năm 2011	-

47448-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
M TOÁN V
Ư VẤN
P HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Quang Hiệp
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0280/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Lê Thị Bích Hải - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1501/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.030.756.417	53.383.974.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.804.644.513	5.286.655.091
1. Tiền	111		1.804.644.513	3.286.655.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.000	72.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		72.000	72.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.127.183.864	33.124.746.650
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	15.758.591.570	32.441.358.523
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.092.182.322	563.862.570
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.276.409.972	119.525.557
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.512.726.115	10.041.737.158
1. Hàng tồn kho	141	V.5	12.512.726.115	10.041.737.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		586.129.925	4.930.763.967
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.513.216	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.534.732	3.544.066.067
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	549.081.977	1.386.697.900

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.881.121.248	86.996.100.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.536.645.504	84.693.647.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	58.261.523.827	53.761.243.321
<i>Nguyên giá</i>	222		76.409.920.028	66.862.441.695
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.148.396.201)	(13.101.198.374)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	2.907.440.221	-
<i>Nguyên giá</i>	225		2.948.390.083	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(40.949.862)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.613.696.739	22.130.001.783
<i>Nguyên giá</i>	228		23.438.418.509	23.421.418.509
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.824.721.770)	(1.291.416.726)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5.753.984.717	8.802.402.619
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	1.500.000.000	1.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.844.475.744	802.452.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.268.026.536	788.459.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	13.992.878
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	576.449.208	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.911.877.665	140.380.075.264

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.514.169.424	24.436.299.042
I. Nợ ngắn hạn	310		9.751.894.736	19.765.410.159
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5.557.000.679	10.552.721.508
2. Phải trả người bán	312	V.16	2.131.058.086	6.495.765.768
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	453.276.540	71.429.580
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	19.567.408	194.227.646
5. Phải trả người lao động	315	V.19	923.708.284	952.388.673
6. Chi phí phải trả	316		76.432.891	47.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	590.850.848	1.451.876.984
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.762.274.688	4.670.888.883
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		146.475.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	4.584.301.834	4.653.297.800
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		16.079.740	17.591.083
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.418.114	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.397.708.241	115.943.776.222
I. Vốn chủ sở hữu	410		113.397.708.241	115.943.776.222
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	81.518.200.000	81.518.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	29.270.228.800	29.270.228.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	2.391.760.589	2.391.760.589
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	729.125.908	729.125.908
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	(511.607.056)	2.034.460.925
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.911.877.665	140.380.075.264

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		78.296,38	25.433,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thúy Hương



Lê Quang Hiệp
Tổng Giám đốc

TH.H
HN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	98.966.683.810	138.811.873.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	267.682.936	800.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	98.699.000.874	138.811.073.391
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	91.928.049.724	131.371.365.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.770.951.150	7.439.708.252
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	654.984.312	1.269.310.324
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	3.161.214.386	542.221.436
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.701.063.706	465.873.609
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	3.273.063.327	3.285.909.236
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	4.176.695.747	4.348.646.129
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.185.037.998)	532.241.775
11. Thu nhập khác	31	VL.7	2.953.974.740	1.258.354.484
12. Chi phí khác	32	VL.8	371.599.742	666.303.105
13. Lợi nhuận khác	40		2.582.374.998	592.051.379
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(602.663.000)	1.124.293.154
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	35.800.000	298.300.339
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		12.481.535	3.996.079
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(650.944.535)</u>	<u>821.996.736</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(80)</u>	<u>101</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2012


Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu

Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thúy HươngLê Quang Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		125.547.868.804	133.487.399.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91.149.762.171)	(140.200.449.050)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.820.625.051)	(6.843.312.786)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.691.653.640)	(465.873.609)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.18	(205.076.180)	(476.224.644)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		79.213.194.591	1.787.687.343
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(83.872.736.453)	(2.512.157.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.021.209.900	(15.222.930.144)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.467.242.475)	(23.117.270.388)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	619.790.000	727.073.565
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.4	437.408.925	902.699.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.410.043.550)	(21.487.497.303)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15, 22	26.741.487.637	25.680.068.554
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15, 22	(34.370.871.664)	(15.810.102.276)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.15	(707.942.640)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(1.793.400.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.130.727.067)	9.869.966.278
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.519.560.717)	(26.840.461.169)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.286.655.091	32.137.604.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37.550.139	(10.487.837)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.804.644.513	5.286.655.091

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2012


 Nguyễn Hồng Nhung
 Người lập biểu


 Hoàng Thị Thúy Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quang Hiệp
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất sản phẩm nhựa từ chất dẻo, bao bì chai nhựa PET; chế tạo và sản xuất các khuôn mẫu nhựa (không tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện); nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa; cho thuê văn phòng.
4. **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Doanh thu năm nay giảm 40,4 tỷ VND tương đương giảm 29% so với năm trước là do số lượng bán ra giảm.
5. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 157 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 199 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	2-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định khác	6-10

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các máy móc và thiết bị là 12 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chuyển dịch địa điểm

Các chi phí có liên quan đến việc di dời nhà xưởng về Củ Chi được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa đã phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,..... với mức trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động với mức trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế.

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	339.799.287	175.757.747
Tiền gửi ngân hàng	1.464.845.226	3.110.897.344
Khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.804.644.513	5.286.655.091

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	1.676.584.851	30.063.721.585
Khách hàng nước ngoài	14.082.006.719	2.377.636.938
Cộng	15.758.591.570	32.441.358.523

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Kiến Việt	1.970.000.000	150.000.000
Công ty TNHH dịch vụ thương mại Nghị Tín	107.482.462	413.788.650
Khác	14.699.860	73.920
Cộng	2.092.182.322	563.862.570

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	32.058.177	20.250.000
Lãi quá hạn dự thu	293.938.189	-
Thuế giá trị gia tăng tài sản cố định thuê tài chính	230.443.225	-
Tiền thuê trả trước cho Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	510.349.664	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (xem thuyết minh số V.21)	189.567.767	58.426.113
Khác	20.052.950	40.849.444
Cộng	1.276.409.972	119.525.557

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.635.903.542	6.704.081.747
Công cụ, dụng cụ	237.414.797	509.093.959
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	163.928.751	123.250.123
Thành phẩm	5.449.456.841	2.467.090.104
Hàng hóa	26.022.184	238.221.225
Cộng	12.512.726.115	10.041.737.158

6. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng của nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.705.998.566	40.956.089.873	1.731.293.068	277.365.188	191.695.000	66.862.441.695
Tăng trong năm	2.334.169.394	8.407.824.026	-	-	28.935.000	10.770.928.420
<i>Xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	2.289.653.099	1.440.329.480	-	-	28.935.000	3.758.917.579
<i>Mua sắm mới</i>	44.516.295	5.990.494.546	-	-	-	6.035.010.841
<i>Tăng khác</i>	-	977.000.000	-	-	-	977.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(70.702.860)	(1.082.747.227)	-	-	(70.000.000)	(1.223.450.087)
Số cuối năm	25.969.465.100	48.281.166.672	1.731.293.068	277.365.188	150.630.000	76.409.920.028
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.040.701.115	-	43.827.333	-	2.084.528.448
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.359.237.457	9.694.458.246	837.123.395	106.366.515	104.012.761	13.101.198.374
Khấu hao trong năm	1.318.542.135	4.358.814.437	187.866.108	22.157.880	11.667.612	5.899.048.172
Thanh lý, nhượng bán	(12.528.057)	(769.322.288)	-	-	(70.000.000)	(851.850.345)
Số cuối năm	3.665.251.535	13.283.950.395	1.024.989.503	128.524.395	45.680.373	18.148.396.201
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	21.346.761.109	31.261.631.627	894.169.673	170.998.673	87.682.239	53.761.243.321
Số cuối năm	22.304.213.565	34.997.216.277	706.303.565	148.840.793	104.949.627	58.261.523.827
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 26.155.076.797 VND và 17.078.087.827 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	2.948.390.083
Số cuối năm	2.948.390.083
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	40.949.862
Số cuối năm	40.949.862
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.907.440.221
Số cuối năm	2.907.440.221

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.262.000.000	159.418.509	23.421.418.509
Tăng trong năm	-	17.000.000	17.000.000
Số cuối năm	23.262.000.000	176.418.509	23.438.418.509
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.278.131.854	13.284.872	1.291.416.726
Khấu hao trong năm	511.252.740	22.052.304	533.305.044
Số cuối năm	1.789.384.594	35.337.176	1.824.721.770
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.983.868.146	146.133.637	22.130.001.783
Số cuối năm	21.472.615.406	141.081.333	21.613.696.739

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 23.262.000.000 VND và 21.472.615.406 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển tài sản cố định	Giảm khác trong năm	Số cuối năm
Mua máy móc thiết bị	1.265.161.300	2.603.183.803	(1.419.924.800)	(2.448.420.303)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.537.241.319	1.157.937.090	(2.355.992.779)	(585.200.913)	5.753.984.717
Cộng	8.802.402.619	3.761.120.893	(3.775.917.579)	(3.033.621.216)	5.753.984.717

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản góp vốn thành lập Công ty cổ phần nhựa Đại Thành Long. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800640880 ngày 18 tháng 5 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đầu tư vốn vào Công ty cổ phần nhựa Đại Thành Long 1.500.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí chuyển dịch địa điểm	369.216.459	-	(184.910.074)	184.306.385
Công cụ, dụng cụ	409.991.805	366.924.355	(283.934.747)	492.981.413
Chi phí sửa chữa	9.251.533	340.877.238	(78.311.928)	271.816.843
Chi phí khác	-	375.290.235	(56.368.340)	318.921.895
Cộng	788.459.797	1.083.091.828	(603.525.089)	1.268.026.536

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho những khoản mục sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	50.688.602	-
Lỗ tính thuế	353.534.185	-
Cộng	404.222.787	-

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê tài chính máy móc thiết bị cho Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	708.660.768	10.552.721.508
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	4.016.219.655	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	832.120.256	-
Cộng	5.557.000.679	10.552.721.508

- ⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng vay số 3970/2009/HĐ ngày 13 tháng 7 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, lãi suất 10%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.552.721.508	21.464.907.971	-	(31.308.968.711)	708.660.768
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4.016.219.655	-	4.016.219.655
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	832.120.256	-	832.120.256
Cộng	10.552.721.508	21.464.907.971	4.848.339.911	(31.308.968.711)	5.557.000.679

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	2.131.058.086	1.624.584.005
Nhà cung cấp nước ngoài	-	4.871.181.763
Cộng	2.131.058.086	6.495.765.768

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước**

Khách hàng ứng trước tiền khuôn.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	776.560.146	(776.560.146)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.276.180	35.800.000	(205.076.180)	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.951.466	90.180.936	(95.564.994)	19.567.408
Tiền thuê đất	-	337.029.500	(337.029.500)	-
Thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	194.227.646	1.243.570.582	(1.418.230.820)	19.567.408

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu (bán cho Doanh nghiệp chế xuất)	0%
- Mặt hàng khuôn	5%
- Mặt hàng nhựa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được giảm thêm 50% trong 2 năm do niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(602.663.000)	1.124.293.154
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	409.709.763	234.813.924
- Các khoản điều chỉnh giảm	(160.580.948)	(140.729.861)
Tổng thu nhập chịu thuế	(353.534.185)	1.218.377.217
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	304.594.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(6.293.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	35.800.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.800.000	298.300.340

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 2.353,40 m² đất đang sử dụng với mức 97.200 VND/m² theo Hợp đồng thuê đất số 2977/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 13 tháng 4 năm 2006 và diện tích 1.203,10 m² đất đang sử dụng với mức 90.000 VND/m² theo Hợp đồng thuê đất số 2556/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 31 tháng 3 năm 2006.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và lương tháng 13 còn phải trả cho nhân viên.

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	42.248.450	48.936.984
Bảo hiểm xã hội	3.119.892	-
Bảo hiểm y tế	18.682.506	-
Cổ tức phải trả	288.000.000	1.162.000.000
Phải trả Nhà nước tiền bán cổ phiếu trả chậm	206.920.000	206.920.000
Các khoản khác	31.880.000	34.020.000
Cộng	590.850.848	1.451.876.984

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(58.426.113)	50.323.887
Số trích lập trong năm	101.723.046	-
Số chi trong năm	(232.864.700)	(108.750.000)
Số cuối năm	(189.567.767)	(58.426.113)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chỉ vượt nguồn được trình bày ở chỉ tiêu Các khoản phải thu khác.

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	1.511.200.000	3.628.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	1.403.308.994	1.025.297.800
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.669.792.840	-
Cộng	4.584.301.834	4.653.297.800

(i) Khoản vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dây chuyền thiết bị công nghệ sản xuất nắp nhựa chịu gaz và không gaz theo công nghệ dập nén theo Hợp đồng tín dụng ủy thác số 340/2010/HĐTDUT- ĐTTC – UT ngày 26 tháng 8 năm 2010 với thời hạn 4 năm và lãi suất 6%/năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để đầu tư máy móc thiết bị theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1703/2010/HĐ ngày 21 tháng 6 năm 2010 với thời hạn vay 36 tháng và lãi suất 6,5%/năm cho đến hết ngày 14 tháng 01 năm 2011, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Khoản thuê tài chính máy móc thiết bị của Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00102-000 ngày 23 tháng 9 năm 2011 với thời hạn 36 tháng, lãi suất 5,85%/năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	5.419.528.649	4.016.219.655	1.403.308.994
Vay dài hạn tổ chức khác	1.511.200.000	-	1.511.200.000
Thuê tài chính	2.501.913.096	832.120.256	1.669.792.840
Cộng	9.432.641.745	4.848.339.911	4.584.301.834

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh	3.628.000.000	-	-	(1.209.600.000)	(907.200.000)	1.511.200.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.025.297.800	5.276.579.666	62.754.136	(2.806.619.655)	(2.154.702.953)	1.403.308.994
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	3.241.816.801	(31.961.065)	(832.120.256)	(707.942.640)	1.669.792.840
Cộng	4.653.297.800	8.518.396.467	30.793.071	(4.848.339.911)	(3.769.845.593)	4.584.301.834

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	81.518.200.000	29.271.992.000	2.391.760.589	729.125.908	1.212.464.189	115.123.542.686
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	821.996.736	821.996.736
Chi khác	-	(1.763.200)	-	-	-	(1.763.200)
Số dư cuối năm trước	81.518.200.000	29.270.228.800	2.391.760.589	729.125.908	2.034.460.925	115.943.776.222
Số dư đầu năm nay	81.518.200.000	29.270.228.800	2.391.760.589	729.125.908	2.034.460.925	115.943.776.222
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(650.944.535)	(650.944.535)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.793.400.400)	(1.793.400.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(101.723.046)	(101.723.046)
Số dư cuối năm nay	81.518.200.000	29.270.228.800	2.391.760.589	729.125.908	(511.607.056)	113.397.708.241

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm là 1.793.400.400 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.151.820	8.151.820
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu phổ thông	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu phổ thông	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	98.966.683.810	138.811.873.391
- Doanh thu bán hàng hóa	31.259.271.151	89.931.750.331
- Doanh thu bán thành phẩm	65.740.010.348	48.140.460.610
- Doanh thu gia công	1.384.039.811	739.662.450
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	583.362.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(267.682.936)	(800.000)
- Hàng bán bị trả lại	(263.437.786)	-
- Giảm giá hàng bán	(4.245.150)	(800.000)
Doanh thu thuần	98.699.000.874	138.811.073.391
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	31.259.271.151	89.931.750.331
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	65.472.327.412	48.139.660.610
- Doanh thu gia công	1.384.039.811	739.662.450
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	583.362.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ	30.764.669.577	86.425.270.884
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ ⁽ⁱ⁾	60.809.664.563	44.946.094.255
Giá vốn cho thuê mặt bằng	353.715.584	-
Cộng	91.928.049.724	131.371.365.139

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	45.816.710.759	33.024.885.004
Chi nhân công trực tiếp	3.555.624.519	3.337.911.874
Chi phí sản xuất chung	14.460.374.650	8.317.151.296
Tổng chi phí sản xuất	63.832.709.928	44.679.948.174
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(40.678.628)	92.439.397
Tổng giá thành sản xuất	63.792.031.300	44.772.387.571
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(2.982.366.737)	173.706.684
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	60.809.664.563	44.946.094.255

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, cổ tức	449.217.102	922.949.521
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	60.645.412	79.455.040
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.687.047	126.177.008
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.434.751	140.728.755
Cộng	654.984.312	1.269.310.324

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.701.063.706	465.873.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.460.150.680	44.404.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	31.943.027
Cộng	3.161.214.386	542.221.436

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.410.994.009	1.636.946.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.770.336	97.770.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.753.770	1.136.325.003
Chi phí khác	1.391.545.212	414.866.984
Cộng	3.273.063.327	3.285.909.236

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.392.888.735	1.233.138.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	622.971.231	600.644.972
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	341.029.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.042.728	12.792.039
Chi phí khác	2.154.793.053	2.161.041.188
Cộng	4.176.695.747	4.348.646.129

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	619.790.000	727.073.565
Thu bán phế liệu	197.770.800	376.430.000
Khác	2.136.413.940	154.850.919
Cộng	2.953.974.740	1.258.354.484

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(650.944.535)	821.996.736
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(650.944.535)	821.996.736
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.151.820	8.151.820
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(80)	101

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.228.886.521	33.578.438.425
Chi phí nhân công	9.254.235.067	8.032.788.857
Chi phí công cụ dụng cụ	403.612.252	270.029.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.473.303.078	4.221.357.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.402.578.916	2.283.298.262
Chi phí khác	4.873.568.752	3.928.590.704
Cộng	71.636.184.586	52.314.503.539

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Cam kết thuê tài chính

Theo Hợp đồng thuê tài chính số 2011-00102-000 ký với Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam, Công ty cam kết sẽ thuê tài chính một máy thổi chai trong thời hạn 36 tháng với giá mua dự kiến là 122,624.42 USD. Công ty đã trả trước 24,496.00 USD.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	767.856.000	597.617.865
Tiền thưởng	63.400.000	82.663.000
Cộng	<u>831.256.000</u>	<u>680.280.865</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn	Công ty góp 18,96% vốn điều lệ
Công ty cổ phần Nhựa Đại Thành Long	Công ty liên kết

Trong năm, cổ tức phải trả cho Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn là 340.076.000 VND.

Tại ngày kết thúc năm tài chính cổ tức còn phải trả cho Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn là 288.000.000 VND (cuối năm trước là 1.162.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Bán hàng hóa : bán hạt nhựa
- Bán thành phẩm : bán chai pet, két, khuôn, nắp....

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất, thương mại trong nước.

5. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Công ty thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2977/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 13 tháng 4 năm 2006 thuê 2.353,40 m² đất tại số 947-953 đường Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá 97.200 VND/m². Tiền thuê được trả hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch và thu hồi đất.
- Hợp đồng thuê đất số 2556/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 31 tháng 3 năm 2006 thuê 1.203,10 m² tại số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá 90.000 VND/m². Thời hạn thuê đến hết năm 2020.

Các hợp đồng cho thuê

Công ty cho thuê mặt bằng theo hợp đồng hợp tác sử dụng mặt bằng sản xuất số 20/DT-2011 ngày 14 tháng 4 năm 2011 diện tích 2.353,40 m² tại số 947-953 đường Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá 3,500 USD/tháng. Thời hạn cho thuê đến ngày 15 tháng 4 năm 2013.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	874.776.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	255.143.000	-
Cộng	1.129.919.000	-

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.804.644.513	5.286.655.091	3.804.644.513	5.286.655.091
Phải thu khách hàng	15.758.591.570	32.441.358.523	15.758.591.570	32.441.358.523
Các khoản phải thu khác	576.492.541	61.099.444	576.492.541	61.099.444
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	72.000	72.000	72.000	72.000
Cộng	20.139.800.624	37.789.185.058	20.139.800.624	37.789.185.058

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.131.058.086	6.495.765.768	2.131.058.086	6.495.765.768
Vay và nợ	10.141.302.513	15.206.019.308	10.141.302.513	15.206.019.308
Các khoản phải trả khác	1.481.914.289	2.195.408.673	1.481.914.289	2.195.408.673
Cộng	13.754.274.888	23.897.193.749	13.754.274.888	23.897.193.749

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản vay có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7, V.9 và V.21). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị	17.078.087.827	5.321.379.549
Quyền sử dụng đất	21.472.615.406	-
Cộng	38.550.703.233	5.321.379.549

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.131.058.086	-	-	2.131.058.086
Vay và nợ	6.142.909.744	4.742.406.099	-	10.885.315.843
Các khoản phải trả khác	1.320.021.175	161.893.114	-	1.481.914.289
Cộng	9.593.989.005	4.904.299.213	-	14.498.288.218
Số đầu năm				
Phải trả người bán	6.495.765.768	-	-	6.495.765.768
Vay và nợ	10.983.596.047	5.140.610.825	-	16.124.206.872
Các khoản phải trả khác	2.195.408.673	-	-	2.195.408.673
Cộng	19.674.770.488	5.140.610.825	-	24.815.381.313

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, xuất khẩu sản phẩm và vay bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 59.578.748 VND (năm trước giảm/tăng 236.465.244 VND) do ảnh hưởng của lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay giảm so với năm trước chủ yếu do Công ty đã thanh toán được một phần khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 36.844.732 VND (năm trước giảm/tăng 100.623.580 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do sự giảm xuống của khoản vay USD có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2012


Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu


Hoàng Thị Thúy Hương
Kế toán trưởng


Lê Quang Hiệp
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Bán thành phẩm</u>	<u>Khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	31.259.271.151	65.472.327.412	1.967.402.311	-	98.699.000.874
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.259.271.151	65.472.327.412	1.967.402.311	-	98.699.000.874
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(542.020.612)	2.491.464.844	1.548.443.591	-	3.497.887.823
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.176.695.747)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(678.807.924)
Doanh thu hoạt động tài chính					654.984.312
Chi phí tài chính					(3.161.214.386)
Thu nhập khác					2.953.974.740
Chi phí khác					(371.599.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(35.800.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.481.535)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(650.944.535)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	7.845.602.346	-	-	7.845.602.346
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	59.499.666	7.017.328.501	-	-	7.076.828.167
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	89.931.750.331	48.139.660.610	739.662.450	-	138.811.073.391
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.931.750.331	48.139.660.610	739.662.450	-	138.811.073.391
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.377.632.217	2.054.013.497	722.153.302	-	4.153.799.016
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.348.646.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(194.847.113)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.269.310.324
Chi phí tài chính					(542.221.436)
Thu nhập khác					1.258.354.484
Chi phí khác					(666.303.105)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(298.300.339)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.996.079)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					821.996.736
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	23.880.900.126	-	-	23.880.900.126
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	121.713.107	4.548.193.891	-	-	4.669.906.998

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa	Bán thành phẩm	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.174.216.338	108.776.808.307	124.965.080	-	118.075.989.725
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					9.835.887.940
Tổng tài sản					127.911.877.665
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	96.286.531	12.176.074.068	-	-	12.272.360.599
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.241.808.825
Tổng nợ phải trả					14.514.169.424
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.812.722.346	106.152.480.848	-	-	127.965.203.194
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					12.414.872.069
Tổng tài sản					140.380.075.264
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.763.361.600	10.938.423.469	-	-	21.701.785.069
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.734.513.973
Tổng nợ phải trả					24.436.299.042

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu



Hoàng Thị Thúy Hương
Kế toán trưởng



Lê Quang Hiệp
Tổng Giám đốc